

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-27
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10-26
Phụ lục 01: Danh mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn	27

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (tên viết tắt: ABF) thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2023 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102130960 thay đổi lần 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/02/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Mạnh Vương	Chủ tịch
Ông Lê Việt Hà	Ủy viên
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Việt Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Ngọc Hà	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	
Ông Tống Trần Lê Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2023
Bà Trịnh Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		102.004.272.070	147.457.663.283
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.467.441.527	25.952.017.215
111	1. Tiền		6.467.441.527	25.952.017.215
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	92.862.706.727	114.236.798.460
121	1. Đầu tư ngắn hạn		93.536.707.104	118.510.445.084
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(674.000.377)	(4.273.646.624)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.344.060.268	5.469.327.507
131	1. Phải thu khách hàng		-	205.025.000
132	2. Trả trước cho người bán		61.633.293	259.294.493
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5	2.655.244.972	4.798.071.029
135	4. Các khoản phải thu khác	6	252.182.003	831.936.985
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(625.000.000)	(625.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho		855.000	-
	1. Công cụ, dụng cụ		855.000	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		329.208.548	1.799.520.101
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	164.591.829	199.313.943
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	122.027.719	1.600.206.158
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		42.589.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		65.501.830.646	14.457.572.106
220	II. Tài sản cố định		478.849.740	440.828.322
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	45.566.437	65.085.019
222	- Nguyên giá		181.851.500	181.851.500
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(136.285.063)	(116.766.481)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	232.000.000	282.460.000
228	- Nguyên giá		549.800.000	549.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(317.800.000)	(267.340.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	201.283.303	93.283.303
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	64.132.753.027	13.298.704.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		64.132.753.027	14.110.153.881
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(811.449.881)
260	V. Tài sản dài hạn khác		890.227.879	718.039.784
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	709.027.879	536.839.784
268	2. Tài sản dài hạn khác		181.200.000	181.200.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		167.506.102.716	161.915.235.389

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.168.074.444	3.489.920.875
310	I. Nợ ngắn hạn		3.168.074.444	3.489.920.875
312	1. Phải trả người bán	15	146.840.000	3.721.141
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	487.651.438	352.263.191
315	3. Phải trả người lao động		2.000.928.467	2.364.904.456
316	4. Chi phí phải trả	17	167.012.810	225.012.890
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	365.641.729	544.019.197
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	164.338.028.272	158.425.314.514
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		-	121.800.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.338.028.272	38.303.514.514
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		167.506.102.716	161.915.235.389

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.125.185.563	1.125.185.563
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	20	2.158.580	1.160.516
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		2.158.580	1.160.516
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	21	29.312.641.600	24.225.328.000
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		29.312.641.600	24.225.328.000
051	4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	22	232.676.719	411.096.065

Phạm Thanh Hương
Người lập

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu	23	10.426.760.618	14.054.158.628
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		10.426.760.618	14.054.158.628
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	24	2.561.579.302	3.745.952.226
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		7.865.181.316	10.308.206.402
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.021.419.891	10.710.910.526
22	7. Chi phí tài chính	26	(2.811.056.763)	629.405.453
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	7.306.765.773	7.106.673.851
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.390.892.197	13.283.037.624
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.390.892.197	13.283.037.624
51	11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.478.178.439	2.774.653.873
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.912.713.758</u>	<u>10.508.383.751</u>
70	13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	493	876

Phạm Thanh Hương
Người lậpPhùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởngLê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		305.071.926.379	458.731.521.672
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(318.707.022.412)	(449.457.009.602)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.714.241.000)	(6.192.885.700)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(2.429.443.056)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.560.000	
07	5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.684.148.268)	(1.729.706.988)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.025.925.301)	(1.077.523.674)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(75.600.000)	(63.000.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(40.022.599.146)	-
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		50.000.000.000	-
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.639.548.759	1.505.171.817
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.541.349.613	1.442.171.817
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(19.484.575.688)	364.648.143
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		25.952.017.215	5.430.061.446
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	6.467.441.527	5.794.709.589

Phạm Thanh Hương
Người lập

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023


BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

6 tháng đầu năm 2023	Thuyết minh	01/01/2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2023 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		121.800.000	-	(121.800.000)	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.303.514.514	6.034.513.758	-	44.338.028.272
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	158.425.314.514	6.034.513.758	(121.800.000)	164.338.028.272

6 tháng đầu năm 2022	Thuyết minh	01/01/2022 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2022 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		121.800.000	-	-	121.800.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.644.124.678	10.508.383.751	-	39.152.508.429
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	148.765.924.678	10.508.383.751	-	159.274.308.429


Phạm Thanh Hương
 Người lập


Phùng Thị Minh Thu
 Kế toán trưởng


Lê Việt Hà
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (tên viết tắt: ABF) thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2023 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102130960 thay đổi lần 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/02/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng; tương đương 12.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 22 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 18 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các tư vấn khác cho khách hàng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, đầu tư trái phiếu, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------|-----------|
| - Thiết bị quản lý | 03-05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03-05 năm |

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi của các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.17. Các khoản thuế

a, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b, Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư và tư vấn, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	185.701.300	129.267.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.281.740.227	25.822.749.915
	6.467.441.527	25.952.017.215

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	93.536.707.104	118.510.445.084
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(674.000.377)	(4.273.646.624)
	92.862.706.727	114.236.798.460

Danh mục đầu tư và tình hình tăng giảm các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được chi tiết trong Phụ lục 01 trang 27 kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ chi tiết theo nội dung		
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán	1.797.568.253	3.761.974.964
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	232.676.719	411.096.065
Phải thu phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	625.000.000	625.000.000
	2.655.244.972	4.798.071.029
b) Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>	1.797.568.253	3.761.974.964

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu khác chi tiết theo nội dung		
Phải thu lãi trái phiếu GELEXIMCOBOND 2018	-	830.136.985
Phải thu lãi trái phiếu DRGCH2124003	43.476.167	-
Phải thu lãi trái phiếu DRGCH2124004	144.832.880	-
Phải thu lãi trái phiếu MSN121013	58.505.429	-
Phải thu lãi trái phiếu MSN121015	5.367.527	-
Phải thu khác	-	1.800.000
	252.182.003	831.936.985

7 . NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	625.000.000	-	625.000.000	-
	625.000.000	-	625.000.000	-

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng trả trước	122.708.740	122.708.740
Chi phí mua bảo hiểm	35.976.422	73.480.203
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.906.667	3.125.000
	164.591.829	199.313.943

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	122.027.719	1.600.206.158
	122.027.719	1.600.206.158

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường (*)	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán Upcom										
- ABB	776.696	706.088	6.460.153.881	6.460.153.881	374.770.919	-	-	(811.449.881)	6.834.924.800	5.648.704.000
			6.460.153.881	6.460.153.881	374.770.919	-	-	(811.449.881)	6.834.924.800	5.648.704.000
Chứng khoán chưa niêm yết	625.000	-	17.650.000.000	7.650.000.000	-	-	-	-	17.650.000.000	7.650.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh			10.000.000.000	-	-	-	-	-	10.000.000.000	-
Doanh Bất Động Sản HTL Việt Nam										
- Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	765.000	765.000	7.650.000.000	7.650.000.000	-	-	-	-	7.650.000.000	7.650.000.000
			40.022.599.146	-	-	-	-	-	40.022.599.146	-
Chứng khoán khác										
- Trái phiếu DRGCH2124003 ⁽¹⁾	87	-	9.210.651.546	-	-	-	-	-	9.210.651.546	-
- Trái phiếu DRGCH2124004 ⁽¹⁾	295	-	30.811.947.600	-	-	-	-	-	30.811.947.600	-
			64.132.753.027	14.110.153.881	374.770.919	-	-	(811.449.881)	64.507.523.946	13.298.704.000

Ghi chú:

(*) Giá trị thị trường của các chứng khoán Upcom được xác định theo giá đóng cửa tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá trị thị trường được xác định theo giá đầu tư tại ngày đầu tư các khoản đầu tư này.

(1) Các trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương phát hành có kỳ hạn 03 năm, kỳ hạn trả lãi đầu tiên là 12 tháng kể từ ngày phát hành, kỳ hạn trả lãi tiếp theo là 6 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2023 của Công ty là thiết bị quản lý có nguyên giá 181.851.500 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2023 là 136.285.063 đồng, chi phí khấu hao trong kỳ là 19.518.582 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 30/06/2023 của Công ty là phần mềm có nguyên giá 549.800.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2023 là 317.800.000 đồng, chi phí khấu hao trong kỳ là 50.460.000 đồng.

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí nâng cấp phần mềm giao dịch chứng chỉ quỹ	201.283.303	93.283.303
	201.283.303	93.283.303

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	573.155.310	418.887.511
Chi phí trả trước dài hạn khác	135.872.569	117.952.273
	709.027.879	536.839.784

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo đối tượng		
Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC	13.200.000	-
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	120.000.000	-
Các khoản phải trả người bán khác	13.640.000	3.721.141
	146.840.000	3.721.141
b) Phải trả người bán đối với các bên liên quan	13.200.000	-
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	5.694.228	-
Thuế Thu nhập cá nhân	481.957.210	352.263.191
	487.651.438	352.263.191

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
a) Chi phí phải trả chi tiết theo nội dung	VND	VND
Chi phí phân phối chứng chỉ quỹ	101.664.683	72.757.800
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số phải trả Sở GDCK	-	90.967.742
Chi phí phải trả khác	65.348.127	61.287.348
	167.012.810	225.012.890
b) Chi phí phải trả đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	167.002.810	133.601.323

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	VND	VND
Phải trả Ngân hàng giám sát	199.931.303	181.299.303
Phải trả hộ thuế TNCN của các quỹ đầu tư	7.148.179	18.476.228
Phải trả khác	155.322.247	344.243.666
	3.240.000	-
	365.641.729	544.019.197

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
6 tháng đầu năm 2022				
Tại ngày 01/01/2022	120.000.000.000	121.800.000	28.644.124.678	148.765.924.678
Lãi trong kỳ	-	-	10.508.383.751	10.508.383.751
Tại ngày 30/06/2022	120.000.000.000	121.800.000	39.152.508.429	159.274.308.429
6 tháng đầu năm 2023				
Tại ngày 01/01/2023	120.000.000.000	121.800.000	38.303.514.514	158.425.314.514
Lãi trong kỳ	-	-	5.912.713.758	5.912.713.758
Tăng/ giảm khác	-	(121.800.000)	121.800.000	-
Tại ngày 30/06/2023	120.000.000.000	-	44.338.028.272	164.338.028.272

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 2806.01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/ABF ngày 28 tháng 06 năm 2023 phê duyệt việc chuyển đổi số dư quỹ dự phòng tài chính sang lợi nhuận chưa phân phối với số tiền 121.800.000 đồng.

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
Bà Đào Thị Cẩm	49,025%	58.830.000.000	0,000%	-
Ông Đào Mạnh Vương	48,500%	58.200.000.000	48,500%	58.200.000.000
Ông Chu Văn Mân	0,000%	-	49,025%	58.830.000.000
Ông Lê Việt Hà	2,475%	2.970.000.000	2,475%	2.970.000.000
	100%	120.000.000.000	100%	120.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
Bà Đào Thị Cẩm	49,025%	58.830.000.000	0,000%	-
Ông Đào Mạnh Vương	48,500%	58.200.000.000	48,500%	58.200.000.000
Ông Chu Văn Mân	0,000%	-	49,025%	58.830.000.000
Ông Lê Việt Hà	2,475%	2.970.000.000	2,475%	2.970.000.000
	100%	120.000.000.000	100%	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Số dư đầu kỳ	1.160.516	103.267.677
Số tăng trong kỳ	412.094.129	43.574.049.676
Số giảm trong kỳ	(411.096.065)	(43.676.158.001)
Số dư cuối kỳ	2.158.580	1.159.352

Chi tiết số dư tại thời điểm:

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	2.158.580	1.160.516
	2.158.580	1.160.516

21 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	29.312.641.600	24.225.328.000
- Chứng khoán Upcom	29.312.641.600	24.225.328.000
	29.312.641.600	24.225.328.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

22 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phí lưu ký phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.457.379	18.476.228
Phí quản lý danh mục phải trả Công ty Quản lý Quỹ	222.219.340	392.619.837
	232.676.719	411.096.065

23 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ và phí mua lại chứng chỉ Quỹ	10.194.083.899	13.609.633.051
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	222.219.340	427.693.461
Doanh thu khác	10.457.379	16.832.116
	10.426.760.618	14.054.158.628
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	9.604.594.380	12.354.039.035

24 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	1.223.783.120	2.506.799.700
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	10.457.379	34.116.666
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	1.327.338.803	1.205.035.860
	2.561.579.302	3.745.952.226

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	139.548.759	5.171.817
Lãi trái phiếu	2.735.259.305	3.215.961.733
Lãi bán chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư	1.146.611.827	7.489.776.976
	4.021.419.891	10.710.910.526

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư	1.358.406.105	189.385.301
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4.411.096.128)	338.171.739
Chi phí tài chính khác	241.633.260	101.848.413
	(2.811.056.763)	629.405.453

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.391.037.158	5.302.166.672
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	137.879.170	124.033.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.978.582	66.018.582
Thuế, phí và lệ phí	6.114.204	3.758.956
Chi phí dự phòng	-	142.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.083.565.690	661.527.483
Chi phí khác bằng tiền	618.190.969	806.668.359
	7.306.765.773	7.106.673.851

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.390.892.197	13.283.037.624
Các khoản điều chỉnh tăng	-	590.231.739
- Chi phí không hợp lệ	-	590.231.739
Tổng thu nhập tính thuế	7.390.892.197	13.873.269.363
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.478.178.439	2.774.653.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.600.206.158)	42.440.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(2.429.443.056)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(122.027.719)	387.651.589

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.912.713.758	10.508.383.751
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.912.713.758	10.508.383.751
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	493	876

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

30 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý:**

Tính đến ngày 30/06/2023, Công ty đang thực hiện Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho một nhà đầu tư với tổng số vốn ủy thác mà nhà đầu tư ủy thác là 36,96 tỷ đồng và tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang quản lý là 29,31 tỷ đồng.

Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán

Tổng số Quỹ đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 02

Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình (ABEIF): Tại ngày 30/06/2023, số lượng chứng chỉ quỹ ABEIF đang lưu hành là 363.090.000 tương ứng với tổng giá trị tài sản ròng là 3.676.178.653.505 đồng. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại 30/06/2023 là 10.125 đồng.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (ABBF): Tại ngày 30/06/2023, số lượng chứng chỉ quỹ ABBF đang lưu hành là 23.318.461,40 tương ứng với tổng giá trị tài sản ròng là 279.843.357.991 đồng. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại 30/06/2023 là 12.000,93 đồng.

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ (chứng khoán) ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Đầu tư ngắn hạn	92.862.706.727	-	-	92.862.706.727
Đầu tư dài hạn	-	6.834.924.800	-	6.834.924.800
	<u>92.862.706.727</u>	<u>6.834.924.800</u>	<u>-</u>	<u>99.697.631.527</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư ngắn hạn	114.236.798.460	-	-	114.236.798.460
Đầu tư dài hạn	-	5.648.704.000	-	5.648.704.000
	<u>114.236.798.460</u>	<u>5.648.704.000</u>	<u>-</u>	<u>119.885.502.460</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.281.740.227	-	-	6.281.740.227
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	2.282.426.975	181.200.000	-	2.463.626.975
	<u>8.564.167.202</u>	<u>181.200.000</u>	<u>-</u>	<u>8.745.367.202</u>
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.822.749.915	-	-	25.822.749.915
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	5.210.033.014	181.200.000	-	5.391.233.014
	<u>31.032.782.929</u>	<u>181.200.000</u>	<u>-</u>	<u>31.213.982.929</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	512.481.729	-	-	512.481.729
Chi phí phải trả	167.012.810	-	-	167.012.810
	679.494.539	-	-	679.494.539
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	547.740.338	-	-	547.740.338
Chi phí phải trả	225.012.890	-	-	225.012.890
	772.753.228	-	-	772.753.228

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	Ông Lê Việt Hà - Tổng Giám đốc Công ty là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	Quỹ mở do Công ty quản lý
Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình	Quỹ thành viên do Công ty quản lý
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC do Ông Lê Việt Hà - Tổng Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC do Ông Lê Việt Hà - Tổng Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần TBIC (TBIC)	Ông Đào Mạnh Vương - Chủ tịch HĐQT Công ty là cổ đông có quyền chi phối tại TBIC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán và công ty Đầu tư chứng khoán	9.604.594.380	12.354.039.035
Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình	7.275.121.215	7.289.451.184
Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	2.329.473.165	5.064.587.851
Lãi tiền gửi không kỳ hạn tài khoản chứng khoán	233.999	1.354.167
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	233.999	1.354.167
Mua/bán chứng khoán	349.042.447.913	128.595.159.087
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	60.870.466.875	85.874.591.950
Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	257.360.033.438	42.720.567.137
Công ty Cổ phần TBIC (TBIC)	30.811.947.600	-
Chi phí hoạt động nghiệp vụ	821.825.727	2.441.690.663
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	821.825.727	2.441.690.663
Mua hàng hóa, dịch vụ	15.396.733	21.307.315
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	9.575.788	21.307.315
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	5.820.945	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Đầu tư ngắn hạn/dài hạn	2.359.342.426	2.000.000.000
Chứng chỉ Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	2.359.342.426	2.000.000.000
Phải thu các hoạt động nghiệp vụ	1.797.568.253	3.761.974.964
Quỹ đầu tư Năng lượng và Hạ tầng An Bình	1.208.606.681	1.245.552.176
Quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình	588.961.572	2.516.422.788
Phải thu khách hàng	-	205.025.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	-	205.025.000
Phải trả người bán	13.200.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	13.200.000	-
Chi phí phải trả	167.002.810	133.601.323
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	101.654.683	72.715.800
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	-	1.358.341
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	65.348.127	59.527.182

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Tổng thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng như sau:

<u>Hội đồng quản trị</u>	<u>6 tháng đầu năm 2023</u>	<u>6 tháng đầu năm 2022</u>
	VND	VND
Ông Đào Mạnh Vương - Chủ tịch	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Việt Hà - Ủy viên	(*)	(*)
Bà Đặng Thị Hồng Phương - Ủy viên	128.941.008	143.447.018


(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát như chi tiết bên dưới.

<u>Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát</u>	<u>6 tháng đầu năm 2023</u>	<u>6 tháng đầu năm 2022</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.966.757.500	2.246.464.743
Thù lao của Ban Kiểm soát (Thành lập từ 10/06/2022)	32.200.000	4.900.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

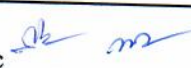
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét.



Phạm Thanh Hương
Người lập



Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị thị trường (*)	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	898.252	637.625	91.177.364.678	66.510.445.084	770.332.747	3.873.435	(674.000.377)	(4.273.646.624)	91.273.697.048	62.240.671.895
- Trái phiếu GLH121019 ⁽¹⁾	230.181	14.521	23.598.318.923	1.496.938.999	-	1.801.310	-	-	23.598.318.923	1.498.740.309
- Trái phiếu GLH121026 ⁽¹⁾	148.026	25	15.155.346.874	2.584.177	764.405.348	50.830	-	-	15.919.752.222	2.635.007
- Trái phiếu MSN120012 ⁽²⁾	49.000	8.500	5.032.774.872	860.736.341	-	-	(167.574.046)	(26.100.074)	4.865.200.826	834.636.267
- Trái phiếu MSN120010	-	250	-	24.692.232	-	76.356	-	-	-	24.768.588
- Trái phiếu MSN120007	-	12.905	-	1.430.971.938	-	-	-	(149.995.828)	-	1.280.976.110
- Trái phiếu MSN120009	-	893	-	87.049.655	-	1.944.939	-	-	-	88.994.594
- Trái phiếu MSN121013 ⁽²⁾	11.150	-	1.175.080.601	-	5.927.399	-	-	-	1.181.008.000	-
- Trái phiếu MSN121015 ⁽²⁾	1.005	-	104.037.205	-	-	-	(2.615.620)	-	101.421.585	-
- Trái phiếu NPM11911	-	37.478	-	3.919.555.697	-	-	-	(377.884.697)	-	3.541.671.000
- Trái phiếu KBC121020	-	504.163	-	52.687.891.877	-	-	-	(3.279.917.877)	-	49.407.974.000
- Trái phiếu VHM121025 ⁽³⁾	58.890	58.890	6.061.199.513	6.000.024.168	-	-	(270.202.473)	(439.748.148)	5.790.997.040	5.560.276.020
- Trái phiếu VIC121004 ⁽⁴⁾	400.000	-	40.050.606.690	-	-	-	(233.608.238)	-	39.816.998.452	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
- Trái phiếu GELEXIMCOBOND 2018	-	50	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	200.000	200.000	2.359.342.426	2.000.000.000	40.843.574	308.080.000	-	-	2.400.186.000	2.308.080.000
- Chứng chỉ quỹ đầu tư Trái phiếu An Bình ⁽⁵⁾	200.000	200.000	2.359.342.426	2.000.000.000	40.843.574	308.080.000	-	-	2.400.186.000	2.308.080.000
			93.536.707.104	118.510.445.084	811.176.321	311.953.435	(674.000.377)	(4.273.646.624)	93.673.883.048	114.548.751.895

(1) Các trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần GLEXHOMES phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;

(2) Các trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;

(3) Trái phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành có kỳ hạn 05 năm (ngày đáo hạn là ngày 25/11/2026), trả lãi định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày phát hành;

(4) Trái phiếu niêm yết do Tập đoàn Vingroup - Công ty CP phát hành có kỳ hạn 03 năm, trả lãi định kỳ 03 tháng/lần;

(5) Chứng chỉ Quỹ do Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình phát hành với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2023 là 12.000,93 đồng/chứng chỉ quỹ.

(*) Giá trị thị trường của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là trái phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với chứng chỉ quỹ được xác định theo giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

